

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HSPT

Ngày: 13/8/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa**

Các thẩm phán: Ông **Trần Đức Kiên**

Ông **Lê Văn Thường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 278/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo **Phạm Trung A**. Do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Bị cáo:

Phạm Trung A; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 02 năm 1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi thường trú: **Tổ A, Khu V, phường T, quận P, thành phố H**; nơi ở hiện tại: **B T, phường H, quận P, thành phố H**; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: **Phạm Bá Đ**, sinh năm: 1961 và bà: **Đoàn Thị Tuyết M**, sinh năm: 1965; Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là con út trong gia đình; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động bản thân: sinh ra, sống với bố mẹ, học hết lớp 12/12. Từ năm 2015 đến 2019, học tại **Trường Đại học D, Huế**. Ra trường làm ăn, sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 15/12/2023. Hiện đang bị tạm giam tại

Trại tạm giam Công an thành phố H. Có mặt

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1994; địa chỉ: A N, phường T, thành phố H, quận P, thành phố H. Có mặt

2. Ông Lê Ngọc Hữu P, sinh năm: 1991; địa chỉ: A D, phường A, quận T, thành phố H. Có mặt

3. Ông Hoàng Công A1, sinh năm: 1985; địa chỉ: F M, phường Đ, quận P, thành phố H. Có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị Tuyết M, sinh năm: 1965; địa chỉ: B T, phường H, quận P, thành phố H. Vắng mặt

2. Chị Đỗ Thị Bảo N, sinh năm: 1994; địa chỉ: 5 P, phường A, quận T, thành phố H. Vắng mặt

3. Chị Hồ Thị Cẩm L, sinh năm: 1992; địa chỉ: 4 N, phường E, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Trung A là nhân viên bán hàng của công ty L1 tại Điện máy C (A L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế). Từ tháng 4 đến cuối tháng 5 năm 2023, Phạm Trung A liên hệ và đưa ra thông tin có thể nhập các nguồn hàng thiết bị điện tử như Iphone, iPad, M1 với giá rẻ với các anh: Nguyễn Quốc T (sinh năm 1994, trú tại: A N, phường T, thành phố H); Lê Ngọc Hữu P (sinh năm 1991, trú tại: A D, phường A, thành phố H), Hoàng Công A1 (sinh năm 1985, trú tại: F M, phường Đ, thành phố H). Các anh Hoàng Công A1, Lê Ngọc Hữu P và Nguyễn Quốc T là những người kinh doanh thiết bị điện tử nên đã đặt hàng và chuyển tiền cho Phạm Trung A để mua hàng và Phạm Trung A đã giao hàng đầy đủ, đúng thời gian như đã thỏa thuận.

Đến tháng 6 năm 2023, do tiêu xài cá nhân, nợ nần của nhiều người với số tiền lớn không có khả năng trả. Phạm Trung A nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối, tiếp tục nói với các bị hại nêu trên chuyển tiền cho mình để mua hàng giá rẻ. Tin tưởng lời nói của Anh và quá trình mua bán trước đó, các bị hại tiếp tục chuyển tiền đặt hàng cho Phạm Trung A. Sau khi nhận được tiền đặt hàng từ các bị hại, Anh không lấy hàng để giao như đã thỏa thuận mà dùng toàn bộ số tiền chiếm đoạt được để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

Hành vi chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Quốc T: Ngày 06/6/2023, anh Nguyễn Quốc T đã chuyển khoản cho Phạm Trung A số tiền 82.500.000 đồng để đặt mua đơn hàng gồm 05 Macbook Air M, thỏa thuận sẽ giao hàng vào ngày 07/6/2023. Đến ngày giao hàng, Phạm Trung A đưa ra nhiều lý do không thể giao hàng như đã thỏa thuận và hẹn đến ngày 09/6/2023 sẽ giao hàng, anh T tin

tưởng nên đã tiếp tục đặt mua thêm 01 đơn hàng 07 điện thoại Iphone 14 Pro Max. Đến ngày 08/6/2023, **Phạm Trung A** yêu cầu anh **Nguyễn Quốc T** chuyển số tiền 168.000.000 đồng của đơn hàng 07 điện thoại Iphone 14 Pro Max, thỏa thuận ngày giao hàng 09/6/2023. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, **Phạm Trung A** lấy trả nợ và tiêu xài cá nhân, không giao hàng như đã thỏa thuận. Sau đó tắt máy điện thoại và bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, tổng cộng số tiền **Phạm Trung A** đã chiếm đoạt của anh **Nguyễn Quốc T** là 250.500.000 đồng.

Hành vi chiếm đoạt tiền của anh **Lê Ngọc Hữu P**: Ngày 07/6/2023, anh **Lê Ngọc Hữu P** đã chuyển khoản cho **Phạm Trung A** 02 lần với số tiền 242.000.000 đồng để đặt mua đơn hàng gồm 10 điện thoại Iphone 14 Pro Max 128 G, thỏa thuận sẽ giao hàng vào ngày 08/6/2023. Đến ngày giao hàng, **Trung A** đưa ra thông tin cửa hàng đang bị thanh tra nên không thể giao hàng như đã thỏa thuận và hẹn đến ngày 09/6/2023 sẽ giao hàng, anh **P** tiếp tục đặt thêm 01 đơn hàng 04 điện thoại Iphone 14 Pro M G. Đến ngày 08/6/2023, **Phạm Trung A** yêu cầu anh **Lê Ngọc Hữu P** chuyển số tiền 89.900.000 đồng của đơn hàng 04 điện thoại Iphone 14 Pro M G, thỏa thuận ngày giao hàng 09/6/2023. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, **Phạm Trung A** lấy trả nợ và tiêu xài cá nhân, không giao hàng như đã thỏa thuận. Như vậy, tổng cộng số tiền **Phạm Trung A** chiếm đoạt của anh **Lê Ngọc Hữu P** là 331.900.000 đồng.

Hành vi chiếm đoạt tiền của anh **Hoàng Công A1**: Ngày 08/6/2023 và 09/6/2023, **Hoàng Công A1** đã chuyển khoản cho **Phạm Trung A** 07 lần với số tiền 506.000.000 đồng để đặt mua đơn hàng gồm 10 điện thoại Iphone 14 Pro Max 128 Gb và 05 Macbook, thỏa thuận sẽ giao hàng vào ngày 10/6/2023. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, **Phạm Trung A** lấy trả nợ và tiêu xài cá nhân, không giao hàng như đã thỏa thuận.

Quá trình điều tra, **Phạm Trung A** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận của bị can là phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, dữ liệu sao kê tài khoản ngân hàng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động Iphone XS Max Gold thu giữ của **Phạm Trung A**.
- 01 xe máy nhãn hiệu Wawe S, màu đỏ đen, BKS: 54V6 – 9509, số khung RLHHC 1206AY003789; số máy: HC12E2503818 (kèm theo chìa khóa) thu giữ của **Phạm Trung A**.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu **Phạm Trung A** phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình trả cho anh **Nguyễn Quốc T** 40.000.000 đồng, nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Biên lai số 0000291 ngày 05/12/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Cục Thi

hành án dân sự thành phố Huế).

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

“Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Trung A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung A 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 357, khoản 2 Điều 468, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Trung A phải bồi thường cho các bị hại sau:

- Bồi thường cho anh Nguyễn Quốc T số tiền là 210.500.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh Lê Ngọc Hữu P số tiền là 331.900.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh Hoàng Công A1 số tiền 506.000.000 đồng.”*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/5/2025, bị hại Hoàng Công A1 kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt cho bị cáo Phạm Trung A, yêu cầu xác định lại số tiền bồi thường.

Ngày 13/5/2025, bị hại Nguyễn Quốc T kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt cho bị cáo Phạm Trung A nếu gia đình không có phương án khắc phục hậu quả, yêu cầu xác định lại số tiền bồi thường.

Ngày 12/5/2025, bị hại Lê Ngọc Hữu P kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt cho bị cáo Phạm Trung A, yêu cầu xác định lại số tiền bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người bị hại Hoàng Công A1, Nguyễn Quốc T, Lê Ngọc Hữu P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo khai báo không thành khẩn về việc sử dụng số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo không bồi thường cho các bị hại.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Phạm Trung A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật, mức hình phạt 09 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của những bị hại kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ

kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, bị hại.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai người bị hại, tang vật thu giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài và trả nợ, trong khoảng thời gian từ ngày 06/6/2023 đến ngày 09/6/2023, **Phạm Trung A** đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin là có thể mua được thiết bị điện tử giá rẻ để chiếm đoạt của **Nguyễn Quốc T, Lê Ngọc Hữu P, Hoàng Công A1** với tổng số tiền 1.088.400.000 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo **Phạm Trung A** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Bị cáo **Phạm Trung A** là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật, nhưng để có tiền tiêu xài và trả nợ bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 1.088.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo thể hiện xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo **Phạm Trung A** với mức phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm này tại địa phương.

[3] Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cũng như tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để từ đó xử phạt bị cáo mức hình phạt 09 năm 06 tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người bị hại không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để tăng hình phạt đối với bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Quốc T, Lê Ngọc Hữu P, Hoàng Công A1** để tăng hình phạt đối với bị cáo.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại, thì thấy:

Bản án hình sự sơ thẩm xác định đúng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại. Quá tình điều tra, bị cáo khai nhận sử dụng tiền đã chiếm đoạt để sử dụng cá nhân.

Đối với yêu cầu kháng cáo về việc thi hành án như thế nào không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi bản án hình sự có hiệu lực pháp luật, các anh **Quốc T, Hữu P, Công A1** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đến Cơ quan thi hành án dân sự **thành phố H** để thi hành phần dân sự trong bản án hình sự.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: các anh **Nguyễn Quốc T, Lê Ngọc Hữu P, Hoàng Công A1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại là anh **Nguyễn Quốc T, Lê Ngọc Hữu P, Hoàng Công A1**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

1. Xử phạt bị cáo **Phạm Trung A** 09 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2023.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2. Về án phí phúc thẩm: anh **Nguyễn Quốc T, Lê Ngọc Hữu P, Hoàng Công A1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- TAND TP Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an TP Huế;
- Phòng HSNV-Công an TP Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA TP Huế;
- Sở Tư pháp TP Huế;
- Cục THADS TP Huế;
- Các người liên quan (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa